

Bài 7

CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

I. YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Cách mạng khoa học công nghệ và những tác động đến đời sống kinh tế xã hội

Từ nửa sau thế kỷ XX đến nay, đặc biệt là từ những năm 70 trở đi, thế giới bước vào một thời kỳ phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Với những thành tựu nổi bật trong nghiên cứu, phát minh, đặc biệt là sự xuất hiện của làn sóng đổi mới công nghệ, bùng nổ thông tin... đã làm cho khoa học thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Các mạng khoa học, công nghệ tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, trở thành một trong những xu thế lớn của thế giới hiện đại.

Với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, phương pháp làm ra sản phẩm (có thể hiểu là công nghệ) đã có sự thay đổi cơ bản. Nhờ những tiến bộ sâu sắc của chòm công nghệ cao, nổi bật nhất là công nghệ thông tin đã hình thành "xã hội thông tin", làm xuất hiện "nền kinh tế tri thức". Sự phát triển của mỗi quốc gia ngày càng ít dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà chủ yếu dựa vào tri thức khoa học, công nghệ. Thông tin trở thành nguồn nguyên liệu, là yếu tố đầu vào của nền sản xuất, quản lý, là công cụ để sáng tạo của cải, là chìa khóa của an ninh kinh tế xã hội...

"Xã hội thông tin", "kinh tế tri thức" đã làm thay đổi nhận thức, cách ứng xử với thiên nhiên, cách làm việc, lối sống và phương thức tiêu dùng.. của con người. Kinh tế gắn liền với xã hội, văn hóa và môi trường. Trong sự phát triển của xã hội, người ta ngày càng chú trọng tới các lĩnh vực văn hóa, đạo đức, lối sống, xã hội, công đồng....

Từ vai trò quyết định của nhân tố con người, các mạng khoa học công nghệ, "kinh tế tri thức", "Xã hội thông tin" đòi hỏi giáo dục đào tạo phải đổi mới, hiện đại một cách căn bản, toàn diện. Quan niệm về giáo dục và mục tiêu đào tạo đã thay đổi. Đó là xã hội học tập, học tập suốt đời, chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức là chủ yếu sang nâng cao năng lực và phẩm chất của người học. Mỗi người đều có khả năng và cần phải biết tự làm mới những tri thức và cập nhật thông tin cho mình.

Giáo dục đào tạo không dừng lại là lĩnh vực phúc lợi của xã hội mà được coi là một ngành kinh tế xã hội đặc biệt, đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư ứng trước, đầu tư chiều sâu, đầu tư cho phát triển. Cuộc cạnh tranh giữa các nước bao gồm cả cuộc tranh đua, bứt phá trong giáo dục và đào tạo.

Tuy vậy những tiến bộ của khoa học, công nghệ đã diễn ra không đều giữa các nước và các khu vực. Khả năng tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ của mỗi quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố, từ hoàn cảnh lịch sử, năng lực nội sinh đến những tác động bên ngoài, trong đó các nước tư bản có nhiều lợi thế, còn các nước đang phát triển và chậm phát triển có nhiều khó khăn, thách thức, phải trải qua nhiều thời kỳ chuyển tiếp không mấy dễ dàng. Trên thế giới cũng xuất hiện thêm nhiều vấn đề toàn cầu, liên quan đến sự phát triển kinh tế, cách mạng công nghệ như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, phân hóa giàu nghèo, công bằng, bình đẳng trong phát triển, những vấn đề văn hóa, xã hội và đạo đức... đòi hỏi sự phối hợp của các quốc gia, dân tộc để cùng giải quyết.

2. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, ngày càng có nhiều nước tham gia

Phân công lao động xã hội quốc tế phát triển mạnh mẽ đã dẫn đến quá trình toàn cầu hóa. Đó là một quá trình lịch sử, một xu thế khách quan, trải qua quá trình phát triển lâu dài, gắn liền với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (thế kỷ XVIII - XIX) dựa trên nền tảng của kỹ thuật cơ khí đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất nhân loại, hình thành thị trường dân tộc thống nhất, dần dần mở rộng thị trường thế giới. Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại đã làm cho lực lượng sản xuất của nhân loại phát triển nhanh chóng theo cấp số nhân, xuất hiện nhu cầu mở rộng thị trường thế giới, từ đó xuất hiện quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

Toàn cầu hóa tạo nên chuỗi giá trị toàn cầu, khi mà một sản phẩm do nhiều công ty, doanh nghiệp của nhiều nước tham gia sản xuất. Xu thế khách quan này vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia theo mức độ tham gia và hưởng lợi trong chuỗi giá trị toàn cầu đó. Trong quan hệ quốc tế, toàn cầu hóa làm cho các quốc gia ngày càng trở nên phụ thuộc vào nhau, không chỉ về thương mại, dịch vụ mà cả về lưu thông vốn, tư bản, công nghệ và môi trường.... Toàn cầu hóa cũng làm xuất hiện các vấn đề an ninh của các quốc gia, cả an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.

Toàn cầu hóa trên thế giới được mở đầu do các nước tư bản công nghiệp phát động, trước hết vì lợi ích của các nước này, nhằm giải quyết vấn đề thị trường cho nền sản xuất. Do các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế nên sự phát triển của toàn cầu hóa đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, môi trường trên phạm vi toàn thế giới. Sự phân phối lợi ích được thực hiện không công bằng, các nước công nghiệp phát triển được nhiều lợi ích hơn, các nước đang phát triển và chậm phát triển chịu nhiều thua thiệt, Mặc dù vậy, toàn cầu hóa vẫn đang lôi cuốn nhiều nước tham gia, kể cả các nước đang phát triển và chậm phát triển, do tham gia quá trình toàn cầu hóa mang lại lợi ích so sánh cho mỗi nước... Với những nét đặc trưng nêu trên, quá trình toàn cầu hóa là một quá trình đầy mâu thuẫn, ngay giữa các nước, các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia, siêu quốc gia. Đó là quá trình vừa đấu tranh, vừa hợp tác, đi đến những thỏa thuận có thể chấp nhận được. Tới nay đã có 161 nước là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO, bao gồm cả những nước phát triển là thành viên của OECD, G7, G20, các nước đang phát triển và chậm phát triển.

Nội dung của quá trình toàn cầu hóa, theo các quy định của WTO là các nước tham gia tổ chức này phải mở cửa thị trường nước mình cho các nước thành viên khác về thương mại, hàng hóa, thương mại, dịch vụ và đầu tư theo nguyên tắc cơ bản là:

- + Không phân biệt đối xử giữa hàng hóa, doanh nghiệp nước mình với hàng hóa, doanh nghiệp nước khác kinh doanh trên đất nước (gọi là nguyên tắc đối huệ quốc và đối xử quốc).

- + Thực hiện minh bạch trong cơ chế, chính sách để mọi thương nhân, mọi người có quyền và cơ hội tiếp cận thông tin như nhau, tạo điều kiện bình đẳng trong hoạt động kinh doanh.

- + Thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- + Tuân thủ cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO và sự phán xử của cơ quan tài phán quốc tế do tổ chức này thiết lập.

Ngày 4/2/2016, 12 nước Châu Mỹ, Châu A và Châu đại dương đã ký kết Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TTP, một bước phát triển cao hơn về toàn cầu hóa, trong đó các nước ký hiệp định cam kết bỏ thuế nhập khẩu trong nội khối.

3. Xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế là các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa đấu tranh, vừa hợp tác cùng tồn tại trong hòa bình

Từ sau khi Liên Xô tan rã (12/1991), thế cực hai phe đối đầu CNTB-CNXH trên thế giới kéo dài hơn 40 năm đã bị phá vỡ. Các nước có chế độ chính trị khác nhau xây dựng mối quan hệ với nhau trên cơ sở vừa đấu tranh vừa hợp tác. Tình hình thế giới và quan hệ quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp nhưng hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, chi phối quan hệ quốc tế. Trong cục diện quốc tế đó, lợi ích quốc gia dân tộc là cơ sở chủ yếu để các nước quyết định đấu tranh hay hợp tác với các nước khác trên thế giới.

Trên thế giới, xuất phát từ lợi ích, đã xuất hiện những liên kết khu vực như Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), tổ chức các nước châu Mỹ (OAS)... Trong quan hệ giữa các nước đã có những hình thức hợp tác, liên kết mới giữa các quốc gia, như các quan hệ “đối tác chiến lược”, “đối tác toàn diện”, đối tác chiến lược trên một số lĩnh vực, “liên minh thuế quan”... Đó là những mối quan hệ song phương giữa các quốc gia, nhóm nước nhưng chưa phải là đồng minh, nhưng cao hơn những hình thức hợp tác thông thường.

Trong quan hệ quốc tế, vẫn tồn tại những mối quan hệ bất bình đẳng, cường quyền, áp đặt giữa nước này với nước khác, bất chấp các quy định của luật pháp quốc tế cũng như chuẩn mực, tập quán chung trong quan hệ quốc tế. Các thế lực thù địch vẫn thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm can thiệp lật đổ chế độ của các nước XHCN, các nước độc lập dân tộc. Các nước lớn vì lợi ích của họ với các hình thức khác nhau như “chống khủng bố”, “bảo vệ dân chủ”... để cấm vận nước này, nước khác, tạo nên những tranh chấp mới bất chấp luật pháp quốc tế; tiến hành cuộc “chiến tranh ủy nhiệm” ở các nước khác, như chiến tranh ở Siri hiện nay. Đó là sự xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia dân tộc của các nước khác...

Cục diện quốc tế đó yêu cầu các nước phải hội nhập quốc tế, tham gia vào các quan hệ quốc tế, vừa đấu tranh, vừa hợp tác phát huy lợi thế so sánh và bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

4. quá trình phát triển kinh tế thị trường và các khu vực mậu dịch tự do

- Nền kinh tế hàng hóa ra đời là sự phát triển vượt bậc của xã hội loài người trong so sánh với sản xuất tự nhiên, tự cấp tự túc, tạo sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất. Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của nền sản

xuất hàng hóa, khi sự lưu thông hàng hóa tư bản trên thị trường tuân theo những quy luật khách quan của nền sản xuất hàng hóa, giá cả do thị trường quyết định.

- Thể chế kinh tế tồn tại trên thế giới bao gồm sự vận động của các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và vai trò điều tiết, định hướng của nhà nước. Do bản chất giai cấp của nhà nước, ở tất cả các nước trên thế giới, nhà nước đều tác động đến nền kinh tế thị trường, phục vụ cho lợi ích của giai cấp, nhóm xã hội mà nó đại diện. Đến nay trên thế giới đã hình thành các thể chế kinh tế thị trường khác nhau như kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ, Anh; kinh tế thị trường định hướng xã hội của Thụy Điển, Đức, Pháp và một số nước Châu Âu; kinh tế thị trường XHCN của Trung Quốc...

- Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường thế giới đa phần bắt đầu từ sự phát triển của sản xuất hàng hóa trong nước, hình thành thị trường dân tộc thống nhất, đồng thời ở một số nước xã hội chủ nghĩa còn là quá trình chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường. Bắt đầu từ Liên Xô, sau đó sang các nước xã hội chủ nghĩa khác, trong những năm 50 – 70 của thế kỷ XX đã hình thành cơ chế kế hoạch hóa tập trung (còn gọi là tập trung quan liêu bao cấp). Cơ chế kinh tế này có vai trò tích cực nhất định trong điều kiện nền kinh tế dựa trên kỹ thuật cơ khí và thế giới bị chia làm hai phe, từ năm 1949 đến 1991.

- Cùng với sự gia tăng các mối liên kết kinh tế toàn cầu là sự gia tăng nhanh chóng xu hướng liên kết kinh tế, hình thành các tổ chức kinh tế khu vực và các quan hệ mậu dịch tự do song phương. Do nhu cầu mở rộng thị trường, một số nước đã đàm phán xây dựng thị trường tự do giữa hai nước, hình thành quan hệ thị trường tự do song phương. Sự liên kết kinh tế giữa một số nước trong một không gian kinh tế nhất định trên cơ sở cùng có lợi, được thể chế hóa bằng các định chế, quy tắc chung và có cơ chế, tổ chức điều chỉnh các hoạt động kinh tế, hình thành các tổ chức kinh tế khu vực như: EU, ASEAN... Cơ sở của liên kết kinh tế song phương và khu vực là lợi ích chung của các nước thành viên trong cạnh tranh, hợp tác quốc tế, tạo nên quá trình khu vực hóa kinh tế quốc tế.

-Giữa toàn cầu hóa và khu vực hóa có những khác biệt nhất định và những điểm chung thống nhất với nhau. Cả hai xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa đều có nội dung cơ bản là liên kết kinh tế. Nhưng trên phạm vi khác nhau, toàn cầu hóa kinh tế là sự liên kết kinh tế trên phạm vi toàn cầu, còn khu vực hóa kinh tế là sự liên kết kinh tế trên phạm vi khu vực. Khu vực hóa kinh tế và phát triển quan hệ

kinh tế thị trường tự do song phương là biểu hiện của toàn cầu hóa, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa. Đồng thời từ những quan hệ lợi ích cục bộ, khu vực hóa có thể làm chậm quá trình toàn cầu hóa nói chung, như việc nước Anh rời khỏi liên minh Châu Âu. Vì lợi ích của mình mà mỗi quốc gia lựa chọn hội nhập khu vực trong một số lĩnh vực, đồng thời thúc đẩy hội nhập toàn cầu trong một số lĩnh vực khác ở từng thời kỳ nhất định.

II. QUAN ĐIỂM CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA ĐẢNG TA.

1. Quá trình hình thành chính sách hội nhập quốc tế của Đảng ta.

a, Về hội nhập kinh tế quốc tế

Ngay sau khi thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước ta chủ trương tham gia các thể chế kinh tế. Lời kêu gọi trong thư gửi Liên hợp quốc tháng 12/1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong đó có chiến tranh kéo dài và cục diện đối đầu hai cực trên thế giới, nước ta bị bao vây cấm vận nhiều năm, quan hệ kinh tế quốc tế của nước ta chủ yếu là với các nước xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1978, nước ta tham gia liên kết, hợp tác kinh tế quốc tế trong khuôn khổ của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) gồm một số nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô; nhưng với cơ chế hoạt động của SEV, tác động của quá trình này đối với nền kinh tế nước ta chỉ một chiều và chưa tạo sự thay đổi lớn cho nền kinh tế.

- Từ đại hội VI (1986), khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta chủ trương “... tham gia sự phân công lao động quốc tế; Tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học – kỹ thuật với các nước thế giới thứ 3, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi”.

Tư đại hội VII, đại hội VIII của Đảng, đặc biệt là trong Nghị quyết Hội nghị TW 4 khóa VIII, Đảng ta nhấn mạnh: “chủ động các điều kiện cần thiết về cán bộ, luật pháp và nhất là các sản phẩm mà chúng ta có khả năng cạnh tranh để hội nhập thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA”.

Tại đại hội IX Đảng ta chủ trương “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực”. Sau đại hội IX, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết TW9 khóa IX đã nhấn mạnh mục tiêu cần phải “Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết đa phương, song phương nước ta đã ký kết và chuẩn bị tốt điều kiện để sớm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO”.

Đại hội X xác định phải “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”.

b, Chủ động hội nhập quốc tế

Đại hội XI đã xác định: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”. Đại hội XII tiếp tục xác định: “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ ngoại giao; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh

Đại hội XII yêu cầu: “Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy nâng cao sức mạnh tổ hợp năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu bất lợi”

Như vậy, sau 20 năm đổi mới, từ nhận thức đúng đắn tính tất yếu khách quan và những vấn đề của toàn cầu hóa, Đảng ta đã xác định rõ chủ trương hội nhập quốc tế và khu vực.

2. Nhưng quan điểm chỉ đạo trong quá trình hội nhập

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị khóa IX “Về hội nhập kinh tế quốc tế”, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 5/2/2007 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa X “về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới”. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 “Về hội nhập quốc tế”. Nghị quyết đã xác định chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, thực hiện chính sách đối ngoại mở rộng, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; quán triệt và vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn được tổng kết trong Cương lĩnh. Trong quá trình thực hiện, cần chú trọng một số quan điểm sau:

Một là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức cá nhân, khai thác hiệu quả các tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người VN đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước.

Bốn là, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước

Năm là, hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống không dễ rơi và thế bị động đối đầu; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này, chống lại bên kia.

Sáu là, nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà VN tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực và cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, và tiến bộ xã hội trên thế giới.

III. TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA

1. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Ngày 28/7/1995 Việt Nam trở thành thành viên của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (tiếng Anh: Association of Southeast Asian Nations, viết tắt là ASEAN) là liên minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Tổ chức này được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967 với các thành viên đầu tiên là Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore, và Philippines. Tính đến năm 1999, ASEAN gồm có 10 quốc gia thành viên (chỉ chưa Đông Timor chưa kết nạp).

ASEAN bao gồm diện tích đất 4,46 triệu km², là 3% tổng diện tích đất của Trái Đất, và có số dân khoảng 600 triệu người, 8,8% dân số thế giới. Vùng biển của ASEAN là ba lần lớn hơn so với đất. Trong năm 2010, kết hợp GDP danh nghĩa tại ASEAN đã phát triển thành 1,8 nghìn tỷ USD. Dự kiến đến năm 2030 thực thể này sẽ đứng thứ 4 trên thế giới. Vào ngày 31/12/2015, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á sẽ hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community- AEC).

2. Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực

Một là, Việt Nam là thành viên sáng lập của Diễn đàn hợp tác Á – Âu (tiếng Anh: The Asia-Europe Meeting, viết tắt ASEM).

Diễn đàn hợp tác Á–Âu còn gọi là Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu, được chính thức thành lập vào năm 1996 trong hội nghị cấp cao đầu tiên tại Bangkok. ASEM là một diễn đàn liên khu vực bao gồm Ủy ban châu Âu và 27 nước thành viên

của Liên minh châu Âu (EU) và 10 thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và 5 nước Châu Á khác là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Mông Cổ. Đây là một tập hợp của 42 quốc gia thành viên, bao gồm 2,5 tỷ dân khoảng 38% dân số thế giới; tổng GDP khoảng 25.000 tỉ USD, khoảng 42% GDP toàn cầu.

Việt Nam tham gia diễn đàn ASEM với tư cách là thành viên sáng lập. Năm 2004, nước ta đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEM 5 tại Hà Nội.

Hai là, gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC)

Tháng 11/1989, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (Asia - Pacific Economic Cooperation, gọi tắt là APEC) được thành lập tại Can-bê-ra, theo sáng kiến của Ôt-xtrây-li-a, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tự do hóa, thuận lợi hóa thương mại và đầu tư.

Tháng 11/1998, Việt Nam gia nhập APEC. Hiện nay, APEC có 21 nền kinh tế thành viên ở Châu Á, châu Mỹ và Châu Đại Dương. Tổng số dân của các thành viên APEC là 2,67 tỷ dân khoảng 41% dân số thế giới; tổng GDP khoảng 31,6 ngàn tỉ USD, khoảng 57% GDP toàn cầu, tổng giá trị thương mại khoảng 5,5 ngàn tỉ USD, khoảng 50% thương mại thế giới.

Năm 2006, nước ta đăng cai tổ chức năm APEC và đã tổ chức thành công Tuần lễ cấp cao APEC lần thứ 14 vào tháng 11/2006.

Ba là, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới.

Ngày 7/11/2006, Việt Nam đã được kết nạp vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức này.

WTO được thành lập 1/1/1995 sau khi kết thúc vòng đàm phán Uruguay (1986-1994) của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT), ký kết vào 7/1947. Hiện nay, WTO chiếm trên 95% thương mại toàn cầu, bao gồm tất cả các nước phát triển và nhiều nước đang phát triển, chậm phát triển trên thế giới.

Việt Nam đã nộp đơn xin gia nhập WTO từ tháng 1/1995 và bắt đầu tham gia đàm phán gia nhập từ tháng 7/1998. Trong quá trình đàm phán, chúng ta đã tiến hành đàm phán đa phương và kết thúc song phương với 28 đối tác có yêu cầu.

Bốn là, ký kết các thỏa thuận thành lập khu vực mậu dịch tự do.

Sau khi tham gia ASEAN, Việt Nam cũng đã chủ động tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN, gọi tắt là AFTA. Từ 1/1/1996, Hiệp định AFTA giữa Việt Nam và ASEAN có hiệu lực. Ngày 31/12/2015, Việt Nam và các nước thành viên ASEAN đã ký hiệp định thành lập cộng đồng ASEAN dựa trên 3 trụ cột chính: cộng đồng chính trị - an ninh, cộng đồng kinh tế và cộng đồng văn hóa – xã hội.

Là thành viên ASEAN, Việt Nam tham gia các hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc, ASEAN – Nhật Bản, ASEAN – Ấn Độ, ASEAN – Hàn quốc.

Năm 2015 Việt Nam đã ký kết các hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do song phương với các tổ chức và quốc gia trên thế giới, đó là:

- + Hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do Việt Nam – Liên minh thuế quan (gồm 3 nước Nga, Belarus, Kazakhstan)

- + Hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (gồm 28 nước).

- + Hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do song phương Việt Nam – Hàn Quốc.

- + Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa 12 nước châu Mỹ và châu Đại dương, châu Á.

Đến nay, nước ta đã ký kết nhiều hiệp định mậu dịch tự do song phương với các nước, các nhóm nước và trong khuôn khổ ASEAN với các nước, tổng cộng gồm 55 nước, bao gồm tất cả các nước thuộc G7, G20, thành viên Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế. Nước ta cũng đang đàm phán với nhiều nước để đi tới ký kết hiệp định thành lập khu vực mậu dịch tự do song phương, như Israel, Argentina.

3. Xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với nhiều nước trên thế giới.

Đối tác chiến lược, đối tác toàn diện là cụm từ chỉ quan hệ ngoại giao giữa 2 nước với nhau xuất hiện sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. Quan hệ từ đối tác song phương, đối tác khu vực tới đối tác chiến lược, đối tác toàn diện xuất hiện trong thời gian gần đây, đặc biệt là sau khi Liên Xô tan rã, thế đối đầu hai cực không còn. Tính đến năm 2015, nước ta thiết lập đối tác chiến lược với 15 nước, đối tác toàn diện với 10 nước; đối tác chiến lược lĩnh vực với Vương quốc Hà Lan... Các khuôn khổ quan hệ này đã góp phần tích cực triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác mọi mặt của Việt Nam với các nước trên thế giới.

Đến nay nước ta cơ bản hoàn thành việc xác nhập vị trí trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, lắng giềng tạo cơ sở quan trọng đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác phát triển ổn định, thiết thực và hiệu quả trong trung và dài hạn. Qua đó, đã nâng tầm vị thế của Việt Nam trong quan hệ bình đẳng với các đối tác, làm gia tăng xu hướng hợp tác và cam kết chính trị ở các cấp cao nhất, tôn trọng lựa chọn thể chế chính trị của Việt Nam; tạo cho đất nước một hệ thống các đối tác gần gũi, gắn chặt, lợi ích đan xen trên mọi tầng nấc, lắng giềng, khu vực Đông Nam Á, Châu Á và rộng hơn ở tầm toàn cầu, đóng góp quan trọng, phục vụ nhiệm vụ phát triển đất nước.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG NHỮNG NĂM TỚI

1. Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi

Chủ trương chung là thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Trên cơ sở vừa hợp tác vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữa vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

2. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương chủ động và tích cực đóng góp xây dựng định hình các thể chế đa phương. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, ổn định chính trị của đất nước.

Tiếp tục hoàn thiện việc phân định biên giới trên bộ, thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và quy tắc ứng xử của khu vực.

Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Chủ động tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng cộng đồng vững mạnh. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

3. Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước.

Xác định hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập. Hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh. Chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống không để rơi vào thế đối đầu, bị động, bất lợi.

4. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Thực hiện đầy đủ các cam kết, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế thương mại quan trọng. Ký kết và thực hiện có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước.

Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất.

Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa xã hội, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực khác.

5. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại

Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa, giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại. Đổi mới nội dung, phương pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền

đối ngoại. Chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Phân tích tính tất yếu khách quan của hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay?
2. Phân tích quan điểm chỉ đạo hội nhập quốc tế của Đảng ta?
3. Phương hướng, giải pháp đẩy mạnh hội nhập quốc tế được nêu trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng